

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM NÔNG  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27 /2022/HNGĐ-ST

Ngày 31 - 05 -2022

V/v tranh chấp chia tài sản  
chung sau khi ly hôn.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG - TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Châu Thị Đông Cúc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hữu Phúc.
2. Bà Nguyễn Thị Ánh Gương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Kim Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông:** bà Hồ Thị Thuần - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 05 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 84/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 03 năm 2021. Về việc: “Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27 /2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12 /2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 05 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị D, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Trần Thanh T, sinh năm: 1976.
2. Chị Nguyễn Thị Giáng H, sinh năm: 2001.
4. Anh Nguyễn Công H, sinh năm: 2002.

Cùng địa chỉ: ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chị D, anh Nguyễn Văn H, chị T, chị Giáng H có mặt. Anh Công H vắng mặt lần 02 không lý do.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Tại đơn khởi kiện ngày 09/03/2021, đơn thay đổi yêu cầu ngày 30/11/2021 và đơn thay đổi yêu cầu ngày 11/02/2022, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Dương Thị D trình bày:**

Nguồn gốc đất tranh chấp có chiều ngang 10m, dài khoảng 50m là của mẹ chồng chị bà Nguyễn Thị C tặng cho vợ chồng chị vào năm 2001. Khi chị D và anh Nguyễn Văn H kết hôn chị D về sống chung nhà với bà C và anh Nguyễn Văn H trên đất tranh chấp từ năm 2002-2019. Việc cho đất chung chỉ nói miệng, không có làm giấy tờ gì hết. Đến năm 2008 thì bà C chết, đến tháng 01 năm 2020 chị D và anh Nguyễn Văn H làm thủ tục ly hôn nhưng không có yêu cầu Tòa án chia tài sản chung. Nay chị D yêu cầu chia  $\frac{1}{2}$  diện tích đất theo đo đạc thực tế tại thửa 338 có diện tích 228,1m<sup>2</sup>, thửa 339 có diện tích 128m<sup>2</sup>, có giá trị là 400.000.000đ, chị D yêu cầu được hưởng giá trị, yêu cầu anh Nguyễn Văn H giao chị D số tiền chia tài sản chung là 200.000.000đ, chị D thống nhất giao đất cho anh Nguyễn Văn H sử dụng, chị D không tranh chấp căn nhà có trên đất tranh chấp tại thửa 339 hiện căn nhà đang do gia đình anh Nguyễn Văn H đang quản lý sử dụng.

Tại phiên tòa chị D thống nhất theo giá đất mà Hội đồng định giá xác định giá trị 02 thửa đất nêu trên tổng số tiền 89.112.000đ. Chị D yêu cầu chia  $\frac{1}{2}$  số tiền nêu trên.

Đối với thửa đất 264, diện tích 172 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại xã P, huyện T do bà C đứng tên, chị D không tranh chấp với anh H phần diện tích đất này. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

**- Tại bản khai ngày 19/03/2021 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:**

Nguồn gốc đất tranh chấp là của mẹ anh Nguyễn Văn H (bà C sau khi chết để lại). Anh Nguyễn Văn H và chị D kết hôn năm 1999, sau khi kết hôn thì chị D về làm dâu sống chung nhà với mẹ ruột anh Nguyễn Văn H trên phần đất tranh chấp. Đến năm 2019 thì chị D không còn sống chung nữa. Năm 2020 thì anh Nguyễn Văn H và chị D làm thủ tục ly hôn. Bà C không có tặng cho đất và nhà cho anh Nguyễn Văn H và chị D mà chỉ cho ở đậu, sau khi bà C chết thấy anh Nguyễn Văn H không có nhà ở nên anh chị em của anh Nguyễn Văn H thống nhất để phần đất tranh chấp và nhà lại cho anh Nguyễn Văn H đứng tên.

Đối với diện tích đất đang tranh chấp tại thửa 338, có diện tích 228,1m<sup>2</sup>, thửa 339 có diện tích 128m<sup>2</sup> bà Nguyễn Thị T làm thủ tục chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn H là vì trước đây khi còn sống bà C có chuyển nhượng phần đất cho bà Nguyễn Thị T không phải thửa 338, thửa 339 là một thửa khác (không nhớ số thửa) nhưng do thủ tục hành chính sang tên làm lộn số thửa 338, thửa 339 chuyển cho bà Nguyễn Thị T đứng tên. Do đó, đến năm 2019 thì bà Nguyễn Thị T làm thủ tục chuyển nhượng lại hai thửa đất này cho anh Nguyễn Văn H. Nay anh Nguyễn Văn H thống nhất việc không tranh chấp đất tại thửa 264, diện tích 172 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại xã P, huyện T do bà C đứng tên vì đất của anh Nguyễn Văn H được thừa kế từ bà C sau khi chết để lại. Đối với yêu cầu của chị D anh Nguyễn Văn H không đồng ý chia tài sản vì đây là tài sản riêng của anh Nguyễn Văn H. Anh Nguyễn Văn H không đồng ý chia theo yêu cầu chị D, anh thống nhất giá đất theo định giá của Tòa án. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

**- Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thanh T trình bày:**

Chị Thanh T là vợ sau của anh Nguyễn Văn H kết hôn vào tháng 09/2020, hiện sống chung nhà với anh Nguyễn Văn H trên đất tranh chấp. Nay theo yêu cầu của chị D, chị Thanh T không đồng ý, chị Thanh T thống nhất ý kiến anh Nguyễn Văn H. Ngoài ra không có ý kiến gì thêm.

**- Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Giáng H trình bày:**

Chị Giáng H là con ruột của anh Nguyễn Văn H và chị D, tài sản đang tranh chấp chị Giáng H không có ý kiến, không tranh chấp và cũng không có yêu cầu gì thêm.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Công H đến nay không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án.**

Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn, người liên quan trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo trình tự thủ tục quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Công H vắng mặt lần 02 không lý do nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 227 BLTTDS. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của chị D.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn, người liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu và khẳng định đã xuất trình đầy đủ các chứng cứ cho Tòa án xem xét giải quyết vụ án.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị D có đơn yêu cầu chia tài sản chung với anh Nguyễn Văn H, trú tại ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Tại phiên tòa hôm nay người liên quan anh Công H vắng mặt lần 02 không lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Hiếu.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị D có đơn yêu cầu chia tài sản chung với anh Nguyễn Văn H nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là: “Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn” theo Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[3] Về nội dung: chị D và anh Nguyễn Văn H kết hôn vào năm 1999, sau khi kết hôn chị D về làm dâu nhà anh Nguyễn Văn H. Năm 2019 do phát sinh mâu thuẫn năm 2020 anh chị đã ly hôn. Khi ly hôn tài sản chung anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do không thỏa thuận được tài sản chung nên nay chị D yêu cầu chia tài sản chung cụ thể yêu cầu chia  $\frac{1}{2}$  giá trị của diện tích đất tại thửa 338, thửa 339, đất hiện nay do anh Nguyễn Văn H sử dụng, chị D không tranh chấp căn nhà có trên đất tranh chấp. Đối với anh Nguyễn Văn H không đồng ý theo yêu cầu chị D. Anh Nguyễn Văn H cho rằng đây là tài sản riêng, không phải tài sản chung của vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Phần diện tích đất đang tranh chấp nguyên đơn cho rằng đây là tài sản chung của nguyên đơn và bị đơn được bà C cho trong thời kỳ hôn nhân, khi cho đất bà C chỉ nói miệng, không có làm giấy tờ chứng minh. Bà C chết năm 2008, năm 2019 anh Nguyễn Văn H đứng tên cá nhân phần đất tranh chấp. Mặc khác, khi ly hôn vào năm 2020 anh Nguyễn Văn H và chị D trình bày tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng không đề cập đến phần đất hiện nay đang tranh chấp.

Phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn H cho rằng anh không thừa nhận vợ chồng có tài sản chung nào để thỏa thuận. Tại quyết định công nhận thỏa thuận số: 06/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15/01/2020 có nội dung tài sản chung tự thỏa thuận tuy nhiên không có tài sản chung nào để thỏa thuận. Hơn nữa, anh Nguyễn Văn H không thừa nhận phần đất đang tranh chấp là tài sản được bà C tặng cho chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Căn nhà trước đây vợ chồng sinh sống trên đất là căn nhà của gia đình anh Nguyễn Văn H có trước khi chị D về làm dâu nhà anh Nguyễn Văn H, quá trình chung sống vợ chồng có tu bổ sửa chữa sinh sống. Sau khi chị D và anh Nguyễn

Văn H ly hôn, anh Nguyễn Văn H tiếp tục sửa chữa và sinh sống đến nay. Tuy nhiên hiện nay các bên không tranh chấp căn nhà có trên đất nên không xem xét.

Đối với thửa đất 264, diện tích 172 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại xã P, huyện T do bà C đứng tên, chị D không tranh chấp với anh Nguyễn Văn H phần diện tích đất này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn H trình bày phần nợ chung của vợ chồng trong quá trình sống chung, tuy nhiên hiện nay anh Nguyễn Văn H đã tự nguyện trả nợ xong, không yêu cầu chị D chịu trách nhiệm trả nợ cùng anh Nguyễn Văn H nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp nợ chung giữa chị D và anh Nguyễn Văn H sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

Qua thu thập chứng cứ xác định 02 thửa đất 338, 339 bà Nguyễn Thị T chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn H là do trước đây khi còn sống bà C có chuyển nhượng phần đất cho bà Nguyễn Thị T không phải thửa 338, thửa 339 là một thửa khác nhưng do thủ tục hành chính sang tên làm lộn số thửa 338, thửa 339 chuyển cho bà Nguyễn Thị T đứng tên. Do đó, đến năm 2019 thì bà Nguyễn Thị T làm thủ tục chuyển nhượng trả lại hai thửa đất này cho bà C (anh Nguyễn Văn H đại diện đứng tên), nên xác định không có giao dịch chuyển nhượng đất từ anh Nguyễn Văn H với bà Nguyễn Thị T tại 02 thửa này mà đất này có nguồn gốc do bà C để lại.

Từ những cơ sở trên có căn cứ xác định diện tích đất tại thửa 338, 339 không phải là tài sản chung của chị D và anh Nguyễn Văn H trong thời kỳ hôn nhân. Do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D đối với anh Nguyễn Văn H.

Về giá đất tranh chấp: Tại phiên tòa hôm nay chị D, anh Nguyễn Văn H thống nhất theo giá của Hội đồng định giá như sau: đất tại thửa 338 có giá 54.000đ/1 m<sup>2</sup>, thửa 339 có giá 600.000đ/1 m<sup>2</sup>. Hội đồng xét xử căn cứ giá đất nêu trên khi xem xét vụ án.

Về chi phí đo đạc đất số tiền 4.542.000đ và 200.000đ chi phí chi cho Cán bộ địa chính dẫn đạc. Tổng cộng 4.742.000đ (Bốn triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn đồng), do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D nên chị D phải chịu chi phí đo đạc, chị D đã nộp xong.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với nội dung và diễn biến của vụ án nên có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do không chấp nhận yêu cầu nên chị Diệu phải chịu số tiền 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1/ - Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị Dương Thị D đối với anh Nguyễn Văn H.

2/- Về chi phí đo đạc đất số tiền 4.742.000đ (Bốn triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn đồng) chị D phải chịu, chị D đã nộp xong.

3/- Về án phí:

- Chị Dương Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0010081 ngày 10 tháng 03 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, chị D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.700.000đ (Chín triệu bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai này.

- Anh Nguyễn Văn H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Châu Thị Đông Cúc**



***Nơi nhận:***

- TAND T.Đồng Tháp;
- VKSND H.Tam Nông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Châu Thị Đông Cúc**



